

Bản án số: 206/2021/HS-ST
Ngày: 29/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phùng Thị Kim Loan.**

Bà **Nguyễn Thị Thúy.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Dương Đức Thắng** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Công Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 27/5/2021 và ngày 11/6/2021 đối với:

Bị cáo: Lê Mai H, sinh năm 1992; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKKHKT: Số xxx đường N, Tổ 9, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tham gia Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lê Xuân L, sinh năm 1972 và con bà: Vũ Thị L, sinh năm 1972; có chồng Nguyễn Văn B - sinh năm 1986 và 2 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ từ ngày 29/8/2020 đến ngày 06/9/2020, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Vũ Văn Thiệu – Công ty Luật hợp danh INCIP, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, Lê Mai H (có căn cước nêu trên) và chị Lưu Huyền V, sinh năm 1988, trú tại số ... phố N, quận H, Hà Nội làm ăn buôn bán với nhau H có nợ chị V số tiền 200.000.000 đồng (không có giấy).

Ngày 08/02/2020, Lê Mai H ký hợp đồng thuê căn hộ chung cư số 3505 thuộc Dự án tổ hợp căn hộ, thương mại văn phòng tại ô đất ký hiệu E1.3-Vinhome SkyLake, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội của chị Đào Thị T, sinh năm 1988, trú tại xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội để ở, thời hạn hợp đồng từ 08/02/2020 đến tháng 5/2021.

Từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020, chị V cho H vay nhiều lần với số tiền khoảng 1.100.000.000 đồng không có giấy vay nợ. Tổng cộng cả số tiền nợ trước đó thì H nợ chị V là 1.300.000.000 đồng. Sau khi thuê nhà nhiều lần H mời chị V đến căn hộ 3505 chơi và nói là căn hộ của H mới mua.

Chị V đòi tiền nhiều lần nhưng H chỉ hứa hẹn không trả, nên khoảng đầu tháng 6/2020 chị V hướng dẫn Hương viết giấy nhận tiền đặt cọc bán căn hộ 3505 cho chị V với số tiền 1.000.000.000 đồng - đây là số tiền được chuyển từ số tiền mà H nợ chị V trước đó, đồng thời yêu cầu H đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất căn hộ 3505 cho chị V giữ để làm tin.

Ngày 03/6/2020 H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus lên mạng internet tìm và liên hệ với một đối tượng không quen biết, rồi gửi thông tin cá nhân của Lê Mai H và anh Nguyễn Văn B (là chồng H), đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn hộ 3505, diện tích 83m² mang tên vợ chồng Lê Mai H với giá 700.000 đồng. Chiều cùng ngày, có người lái xe ôm không biết tên, tuổi, địa chỉ đến chung cư của Hương thuê của chị Đào Thị T giao cho Hương 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CV289765 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội ghi cấp ngày 03/6/2020 cho ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1986 và bà Lê Mai H (có đầy đủ thông tin cá nhân), Hương đã nhận và trả người xe ôm 700.000 đồng.

Ngày 11/6/2020, chị Lưu Huyền V hướng dẫn Lê Mai H viết Giấy giao nhận tiền đặt cọc mua bán căn hộ 3505 nêu trên (không ghi ngày) với nội dung: chị Lưu Huyền V đặt cọc số tiền 1.000.000.000 đồng (là tiền trong số tiền Hương đã nợ chị V) cho H để mua căn hộ 3505, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ ra công chứng làm thủ tục mua bán căn hộ, rồi Hương đưa cho anh Nguyễn Văn B là chồng H nhờ ký xác

nhận vào giấy giao nhận tiền đặt cọc mua bán căn hộ. Sau đó Lê Mai H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus chụp Giấy nhận tiền đặt cọc gửi qua mạng Zalo đến điện thoại di động của chị V. Khoảng 03 ngày sau H đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất có thông tin như trên cùng Giấy giao nhận tiền đặt cọc cho chị V giữ để làm tin, sau đó chị V làm mất Giấy giao nhận tiền đặt cọc.

Ngày 08/8/2020, V đòi tiền nhưng H chưa có tiền trả và cả hai bên cùng thống nhất viết Giấy hoàn cọc. Nội dung: Lê Mai H không bán căn hộ 3505 cho chị V nữa, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 30 ngày H sẽ hoàn trả cho chị V số tiền 1.000.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của Lê Mai H và Nguyễn Văn B, nhưng chị V vẫn giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. Do nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất H đưa cho là giả, ngày 18/8/2020 chị V có đơn gửi Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội, đề nghị xác minh đồng thời giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất nói trên. Ngày 21/8/2020, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội có văn bản kiến nghị xử lý Lê Mai H về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh kết quả như sau: Căn hộ chung cư số 3505 có diện tích 71,2m² thuộc Dự án tổ hợp căn hộ, thương mại văn phòng tại ô đất ký hiệu E1.3-Vinhomes SkyLake, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, ngày 24/10/2019 đã được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CT267704 cho chị Đào Thị T (sinh năm 1988, trú tại xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội);

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CV 289765 được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 23/3/2020 cho căn hộ số 3002 thuộc Dự án tổ hợp căn hộ, thương mại văn phòng tại ô đất ký hiệu E1.3-Vinhomes SkyLake, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội đứng tên ông Dương Văn H, sinh năm 1985, trú tại Căn hộ ..., Tòa ... Chung cư T, phường Đ, quận H, Hà Nội và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1988, trú tại căn hộ ..., Tòa C, khu đô thị K, phường Đ, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Vật chứng, tài sản thu giữ: Lê Mai H giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus; 01 điện thoại di động Samsung (đều đã qua sử dụng); 01 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CV289765 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 03/6/2020 cho ông Nguyễn Văn B và bà Lê Mai H (ký hiệu A1); 01 bản phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CG888333 (ký hiệu M1); Bản mẫu hình dấu của Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội (ký hiệu M2, M3); Bản mẫu chữ ký của ông Lê T Nam - Phó giám đốc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội (ký hiệu M4, M5); chị Lưu Huyền V giao nộp 01 giấy hoàn cọc ghi ngày 08/8/2020 (ký hiệu A2); Bản mẫu chữ ký của Lê Mai H (ký hiệu M6, M7); Bản mẫu chữ ký của anh Nguyễn Văn B (ký hiệu M8, M9); Bản mẫu chữ ký của chị Lê Huyền V (ký hiệu M10, M11).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CV289765 và chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Mai H, Nguyễn Văn B và Lưu Huyền V trên Giấy hoàn cọc ghi ngày 08/8/2020.

Tại Bản kết luận giám định số 8575/KLGD-PC09-Đ4, ngày 30/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

- *Phôi của mẫu cần giám định ký hiệu A1 với phôi của mẫu so sánh ký hiệu M1 không được in ra từ cùng một biểu mẫu.*

- *Hình dấu tròn “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI” và chữ ký đứng tên Lê T Nam trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với hình dấu tròn “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI” trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 và chữ ký đứng tên Lê T Nam trên các mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra và không phải là chữ do cùng một người ký ra.*

- *Chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Lê Mai H” dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Lê Mai H” dưới chữ ký trên các mẫu so sánh ký hiệu M6, M7 là chữ do cùng một người ký và viết ra.*

- *Chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Văn B” dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Văn B” dưới chữ ký trên các mẫu so sánh ký hiệu M8, M9 là chữ do cùng một người ký và viết ra.*

- *Chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Lưu Huyền V” dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên “Lưu Huyền V” trên các mẫu so sánh ký hiệu M10, M11 là chữ do cùng một người ký và viết ra.”*

Đối với anh Nguyễn Văn B là chồng Lê Mai H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CV289765. Cơ quan điều tra xác định, việc đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do một mình Lê Mai H thực hiện, anh B không biết nên không đồng phạm với Lê Mai H.

Đối tượng xe ôm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho H nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh làm rõ.

Lê Mai H vay nợ cá nhân tiếp đó có hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, rồi viết Giấy giao nhận tiền đặt cọc bán căn hộ 3505 cho chị V, với số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng là tiền H nợ chị V trước đó. Cả 2 bên đều khai mục đích làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thể hiện H còn nợ tiền chị V và để chị V cho H giãn khoản nợ. Thực tế chị V không có nhu cầu mua căn hộ của H, trước ngày chị V có đơn tố giác thì giữa H và chị V đã viết giấy hoàn cọc bán căn hộ trên, đồng thời hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ. Quá trình giải quyết H đã trả nợ cho chị V, hiện H còn nợ chị V tổng số tiền là 740.000.000 đồng. Đây là quan hệ dân sự hiện chị V không yêu cầu giải quyết nợ. Do đó hành vi nêu trên của Lê Mai H không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý Lê Mai H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ.

Cáo trạng số: 115/CT-VKS-P2 ngày 19/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Lê Mai H về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng. Bị cáo xác định hình vi của bị cáo là vi phạm pháp luật đề nghị Hội Đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Mai H phạm tội “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Mai H từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 2 điện thoại đã thu giữ của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, hiện tại đang nuôi con nhỏ là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 08/02/2020, Lê Mai H thuê căn hộ chung cư số 3505 thuộc Dự án tổ hợp căn hộ, thương mại văn phòng tại ô đất ký hiệu E1.3-Vinhome SkyLake, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội của chị Đào Thị T để ở, thời hạn hợp đồng đến tháng 5/2021.

Từ khoảng cuối năm 2019 đến tháng 5/2020, H nợ chị Lưu Huyền V số tiền 1.300.000.000 đồng nhưng không có giấy, nhiều lần chị V đòi tiền nhưng H chưa có tiền trả nên chị V yêu cầu H viết giấy nhận tiền đặt cọc H bán căn hộ 3505 cho

chị V với số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích để thể hiện H nợ tiền chị V đồng thời yêu cầu H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn hộ cho chị V giữ để làm tin. Ngày 03/6/2020 Lê Mai H sử dụng điện thoại di động lên mạng internet, thuê một đối tượng không quen biết làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CV289765 đứng tên Nguyễn Văn B và Lê Mai H, rồi H đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho chị V giữ để làm tin, mục đích để chị V cho H giãn khoản nợ trên. Ngày 08/8/2020, H và chị V thống nhất viết giấy hoàn cọc nhưng chị V vẫn giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất giả nêu trên và chị V có đơn gửi Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội, đề nghị xác minh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất nói trên. Ngày 21/8/2020, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội có văn bản kiến nghị xử lý Lê Mai H về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Như vậy bị cáo Hương có hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, ký hiệu số CV289765 đứng tên Nguyễn Văn B và Lê Mai H.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động B thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, của tổ chức, xâm phạm đến các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức và công dân gây mất trật tự xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự;

Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hà Nội truy tố bị cáo Lê Mai H về tội: “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội, bị cáo không trực tiếp làm giả mà thuê đối tượng trên mạng xã hội làm giả 1 tài liệu của cơ quan Nhà nước, mục đích để giãn nợ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có

bà nội được tăng Huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo chưa có tiền án tiền sự lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo đồng thời giao các bị cáo cho UBND nơi các bị cáo cư trú để quản lý giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vì vậy chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo theo tội danh khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều luật áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị trong bản luận tội là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2] *Vật chứng*: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo 2 điện thoại là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

Việc xử lý vật chứng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Mai H phạm tội “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Lê Mai H 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Mai H cho UBND phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách của án treo trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6Plus, 01 điện thoại SamSung
(*Vật chứng đã được bàn giao cho Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên bản bàn giao ngày 18/5/2021*).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P3);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

VŨ THỊ THU THỦY